

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 5782/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-BDT ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 147/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là sở, ngành); các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện); các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho các sở, ngành, địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình có trọng tâm, trọng điểm và bền vững tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách, chương trình, đề án giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; giảm thiểu tình trạng đầu tư dàn trải, chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng thụ hưởng của các Chương trình, thì được áp dụng định mức phân bổ theo một trong các Chương trình phù hợp mục tiêu nhất.

Điều 3. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách

1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn ngân sách

a) Quy mô dân số của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng Cục Thống kê năm 2021.

b) Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

c) Đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

d) Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo căn cứ vào danh sách được quy định tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.

đ) Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo các cấp độ thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền công bố đến năm 2021. Loại hình đào tạo và số lượng tuyển sinh tương ứng với loại hình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa công bố.

e) Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa.

g) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu công bố năm 2020 của Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa.

h) Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách và phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần được quy định chi tiết theo 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Bố trí nguồn vốn thực hiện Chương trình

1. Phân bổ nguồn vốn đúng tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần được quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Đối với vốn ngân sách địa phương bố trí đối ứng là vốn đầu tư công, vốn ngân sách cấp tỉnh bố trí 70% và vốn ngân sách cấp huyện bố trí 30% tổng số vốn đối ứng.

3. Ngoài ra, huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để tăng cường cho các hoạt động của Chương trình, đảm bảo thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

4. Tuỳ điều kiện nguồn thu của ngân sách địa phương (cấp huyện, cấp xã), các địa phương ưu tiên bố trí thêm ngân sách để cùng với ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm về kết quả thực hiện Chương trình.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KH&ĐT, LĐ-TB&XH;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND TQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản)
- Lưu: VT, Tm.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Mạnh Dũng



Phụ lục I

DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC HUYỆN NGHÈO, XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BẮC NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Đối với vốn ngân sách địa phương bố trí đối ứng là vốn đầu tư công, vốn ngân sách cấp tỉnh bố trí 70% và vốn ngân sách cấp huyện bố trí 30% tổng số vốn đối ứng.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Quy mô dân số của cấp huyện	
- Dưới 10.000 hộ	0,15
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,17
2. Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	
- Dưới 55%	0,37
- Từ 55% đến dưới 60%	0,41
- Từ 60% đến dưới 65%	0,46
- Từ 65% trở lên	0,5
3. Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của cấp huyện	
- Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 10 xã	0,1
- Từ 10 xã trở lên	0,12

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo

- Vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức:

$$A_i = Q.X_i$$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước phân bổ cho các huyện nghèo thực hiện Dự án 1 của Chương trình.

a

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng huyện nghèo.

2. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh

a) Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Đối với vốn ngân sách địa phương bố trí đối ứng là vốn đầu tư công, vốn ngân sách cấp tỉnh bố trí 70% và vốn ngân sách cấp huyện bố trí 30% tổng số vốn đối ứng.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho xã Vạn Thạnh

Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Hệ số
Vùng hải đảo	1,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho xã

- Vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước phân bổ cho xã Vạn Thạnh được tính theo công thức:

$$B = Q \cdot X$$

Trong đó:

B là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho xã Vạn Thạnh.

X là hệ số tiêu chí của xã Vạn Thạnh.

Q là vốn bình quân cho 1 xã được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước phân bổ cho xã Vạn Thạnh để thực hiện Dự án 1 của Chương trình.

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn.



Phụ lục II

DỰ ÁN 2: ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO (Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Dự án: tối đa 15% cho các sở, ngành của tỉnh; tối thiểu 85% cho cấp huyện.

2. Tiêu chí, hệ số và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12.HN_i + 0,015.XN) \times 2,5 + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo

XN xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

ĐV_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.



Phụ lục III

DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CẢI THIỆN DINH DƯỠNG (Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiêu dự án: tối đa 2% cho các sở, ngành của tỉnh; tối thiểu 98% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$\text{Đ}_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

Đ_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12 \cdot \text{HN}_i + 0,015 \cdot \text{XN}) \times 2,5 + \text{ĐV}_i$

HN_i là số huyện nghèo.

XN xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

$ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho các sở, ngành của tỉnh; tối thiểu 90% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện	
- Trên 27%	1,6
- Từ 18% đến 27%	1,4
- Từ 9% đến dưới 18%	1,2
- Dưới 9%	1

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách địa phương phân bổ cho huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12 \cdot HN_i + 0,015 \cdot XN) \times 3 + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo.

XN là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

$ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.





Phụ lục IV

DỰ ÁN 4: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG (Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển

a.1. Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương của tiểu dự án để đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

a.2. Phân bổ vốn theo danh mục Dự án đầu tư cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nhu cầu thực tế của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết theo quy định của pháp luật.

b) Đối với vốn sự nghiệp

b.1. Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (thực hiện nội dung: xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo; khảo sát thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm).

b.2. Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (thực hiện nội dung đầu tư thiết bị, phương tiện đào tạo; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình học liệu).

- Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
- Dưới 500 người/năm	0,5
- Từ 500 đến dưới 1.000 người/năm	0,6
- Từ 1.000 đến dưới 2.000 người/năm	0,7
- Hơn 2.000 người/năm	0,8

Tiêu chí	Hệ số
4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng và trung cấp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
- Không tuyển sinh cao đẳng và trung cấp	0
- Dưới 150 người/năm	0,1
- Từ 150 đến dưới 350 người/năm	0,2
- Từ 350 đến dưới 700 người/năm	0,3
- Từ 700 người/năm trở lên	0,4

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương phân bổ cho từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$H_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

H_i là vốn phân bổ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i theo công thức: $X_i = TL_i + QM_i + TS_i + TSTC_i$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

$TSTC_i$ là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng và trung cấp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

b.3. Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	

Tiêu chí	Hệ số
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15
5. Tiêu chí 5: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ của cấp huyện	
- Thấp hơn tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ của toàn tỉnh	0,6
- Cao hơn hoặc bằng tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ của toàn tỉnh	0,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách địa phương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i được tính theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + HN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiểu dự án: tối đa 18% cho các sở, ngành; tối thiểu 82% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho cấp huyện

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện thứ i , theo công thức:

$$Y_i = 0,12.HN_i + 0,015.XN$$

HN_i là số huyện nghèo.

XN là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

2

G là tổng số vốn ngân sách để phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho các sở, ngành; tối thiểu 90% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Huyện có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	
- Dưới 30.370 người	1
- Từ 30.370 người đến dưới 60.740 người	1,3
- Từ 60.740 người đến dưới 91.110 người	1,6
- Từ 91.110 người đến dưới 121.480 người	1,9
- Từ 121.480 người đến dưới 151.850 người	2,2
- Từ 151.850 người trở lên	2,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.



Phụ lục V

**DỰ ÁN 5: HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN NGHÈO**

*(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

1. Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương phân bổ cho các huyện nghèo trên cơ sở kế hoạch hàng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (trừ đối tượng thuộc diện hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác) và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo hướng dẫn của Trung ương.
2. Định mức hỗ trợ: Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương: nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách địa phương.
3. Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.



Phụ lục VI

DỰ ÁN 6: TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiểu dự án: tối đa 30% cho các sở, ngành; tối thiểu 70% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q.X_i.Y_i + D_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách địa phương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của tỉnh.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 của Chương trình; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của cấp huyện.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiểu dự án: tối đa 35% cho các sở, ngành; tối thiểu 65% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.



Phụ lục VII

ĐU ÁN 7: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiểu dự án: tối đa 25% cho các sở, ngành; tối thiểu 75% cho cấp huyện.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$

HN_i là hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Dự án 7 của Chương trình./.